TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 482/2019/QĐST-HNGĐ	*Cái Bè, ngày 13 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 705/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thành L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Phạm Ngọc A1**, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thành L và chị Phạm Ngọc A1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Anh Trần Thành L và chị Phạm Ngọc A1 tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn vì tình cảm không còn.

2.2 Về con chung: Anh L, chị Ngọc A1 có 02 con chung là Trần Ngọc T,

sinh ngày 15-10-2009 và Trần Phương A2, sinh ngày 12-10-2018. Anh chị tự nguyện thỏa thuận giao hết hai con chung cho chị Ngọc A1 nuôi (điều này phù hợp với nguyện vọng của Ngọc T mong muốn được sống chung với mẹ Ngọc Anh). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ngọc A1 chưa có yêu cầu. Anh L được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Anh L, chị Ngọc A1 có một xe tải hiệu Suzuki biển số 63C-10298 (tải trọng 750kg) do anh L đứng tên và đang quản lý sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị, chia cho anh L xe tải hiệu Suzuki biển số 63C-10298 do anh đang quản lý; Anh L chia trả giá trị xe 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Ngọc A1 vào ngày 18-11-2019. Không tài sản nào khác.

2.4 Về nợ chung: Khi chung sống anh L, chị Ngọc A1 không làm phát sinh nợ chung, không ai nợ lại.

2.5 Về án phí: Anh L tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh L đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0002494 ngày 18-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh L, chị Ngọc A1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do anh chị thỏa thuận được về tài sản, có đơn yêu cầu Tòa án ghi nhận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

NGÔ THỊ HÀ